

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày 11-6-2020.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi T.

Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2020/TLST-HS, ngày 08 tháng 5 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. *Trần Mạnh T*, sinh năm: 1972, tại: Nam Định; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Trần Xuân T (đã chết); con bà: Trần Thị C, sinh năm 1934; có vợ là Trần Thị P, sinh năm 1982 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp “tạm giữ” từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 chuyển áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; “Có mặt”.

2. *Trần Văn T*, sinh năm 1975, tại Nam Định; nơi ĐKNKTT, và nơi ở hiện nay: thôn H - xã M- huyện V - tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Trần Xuân T (đã chết); con bà: Trần Thị C, sinh năm 1934; có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1978 và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06-12-2010 phạm tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”; bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt

27 tháng tù và phạt tiền bổ sung 8.000.000 đồng. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù từ ngày 07-12-2012.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “tạm giữ”, “tạm giam” từ ngày 13-02-2020 đến ngày 27-3-2020 chuyển biện pháp “Bảo lãnh” theo quyết định về việc bảo lãnh số 02 ngày 27-3-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V; “Có mặt”.

3. *Lê Anh T*, sinh năm: 1979, tại Hà Nam; nơi ĐKNKTT: thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Lê Gia T, sinh năm 1952; con bà: Đặng Thị P; sinh năm 1958; có vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1981 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12-6-2014 phạm tội “Đánh bạc”, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo đã chấp hành bản án xong từ 15-10-2014.

Bị áp dụng biện pháp “tạm giữ” từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 chuyển áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; “Có mặt”.

4. *Phạm Văn T*, sinh năm: 1976, tại Hà Nam; nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Phạm Văn A, sinh năm 1938; con bà: Lê Thị N (đã chết); có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1984 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp “tạm giữ” từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 chuyển áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; “Có mặt”.

5. *Nguyễn Như T*, sinh năm: 1985, tại Nam Định; nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Nguyễn Văn K (đã chết); con bà: Vũ Thị S, sinh năm 1953; có vợ là Trần Thị D, sinh năm 1988 và 04 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp “tạm giữ” từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 chuyển áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; “Có mặt”.

6. *Đỗ Duy T*, sinh năm: 1986, tại Nam Định; nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giáo viên; con ông: Đỗ Văn T (đã chết); con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1953; có vợ là Trần Thị Phương T, sinh năm 1993 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp “tạm giữ” từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 chuyển áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; “Có mặt”.

7. *Trần Văn C*, sinh năm: 1946, tại: Nam Định; nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh;

tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Trần Thiện C (đã chết); con bà: Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ là: Bùi Thị É, sinh năm 1951 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp “tạm giữ” từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 chuyển áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; “Có mặt”.

Người tham gia tố tụng khác:

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. *Chị Trần Thị P*, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; “Có mặt”.

2. *Chị Trần Thị D*, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; “Có mặt”.

** Người làm chứng:*

+ *Chị Trần Thị Phương T*, sinh năm 1993 địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; (Vắng mặt).

** Người chứng kiến: Anh Trần Công L*, sinh năm 1989; (địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 13-02-2020, các đối tượng Trần Văn T, Phạm Văn T, Đỗ Duy T, Lê Anh T lần lượt đến nhà Trần Mạnh T để uống nước. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì 04 người nêu trên cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh liêng ăn tiền và hỏi Trần Mạnh T là chủ nhà cho mượn phòng để đánh bạc thì T đồng ý, dẫn những người này vào phòng ngủ trên tầng 2 nhà T để đánh bạc. Một lúc sau thì Nguyễn Như T và Trần Văn C lần lượt đến tham gia đánh bạc cùng với T, T, T và T. Những người tham gia đánh bạc cùng thỏa thuận mức đặt cửa mỗi ván “tiền gà” là 50.000 đồng, mức tổ thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng; cách chơi như sau: Dùng bộ bài tú lơ khơ 52 cây chia cho mỗi người ba cây, khi có bài trong tay, người chơi có thể tùy ý lựa chọn các hình thức chơi như sau: “Úp bài” nghĩa là chịu thua không chơi ván bài đó nữa; những người chơi tiếp có thể chọn “Theo” nghĩa là người chơi đánh thêm vào số tiền bằng số tiền người trước đánh; “Tổ” nghĩa là người chơi đặt thêm tiền cao hơn số tiền người trước đánh, ai cũng có thể tham gia tổ, theo dù cho họ có bài nước cao hay thấp. Có bốn hình thức tính điểm, đầu tiên là tính nước trong trường hợp ba cây tú lơ khơ là ba cây bất kỳ trong 52 cây, trong đó cây 10, J, Q, K đều tính là 0 nước, cao nhất là 9 nước, thấp nhất là 0 nước, cộng số 3 cây bài được chia vào với nhau lấy số cuối của tổng số 3 cây bài tính làm nước. Thứ hai là trường hợp ba cây bài có thứ tự liên tiếp nhau cao nhất là QKA, thấp nhất là 123 (gọi là liêng). Thứ ba là ảnh là trường hợp ba cây bài được

chia mà các cây bài lần lượt đều là J, Q hoặc K (ví dụ JJQ, JQQ, QQK). Thứ tư là sấp là cả ba cây bài được chia giống nhau, như AAA, 333 to nhất là AAA, thấp nhất là 222. Trong đó cao nhất là sấp, thứ hai là liêng, thứ ba là tranh ảnh, thứ tư là cộng điểm, khi có hai người trở lên có điểm bằng nhau thì tính chất, thứ tự: cơ là to nhất tiếp đến rô, tép, bích. Người T là người có số điểm cao nhất hoặc là khi các người chơi khác đã úp hết bài xuống, Người T sẽ được tất cả số tiền gà, tiền theo, tiền tố của ván đó.

Đến khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, khi 06 người đang đánh bạc tại tầng 2 nhà Trần Mạnh T thì bị Công an huyện V bắt quả tang: Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T, Trần Văn C đang đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh liêng, thu giữ vật chứng sau:

- + Thu trên chiếu bạc số tiền sử dụng để đánh bạc là 11.550.000đ (mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), 01 bộ tú lơ khơ 52 cây và 01 chiếc chiếu trúc, kích thước (1,6 x 2)mét.

- + Thu của Đỗ Duy T: 01 ví da màu nâu cũ đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 4.040.000 đồng. T khai nhận khi đi đánh bạc mang theo số tiền 5.240.000 đồng, chỉ sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, số tiền này đã bị thu hết dưới chiếu, khi bị bắt đang bị thua; còn số tiền 4.040.000 đồng thu trên người không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- + Thu của Trần Văn C: 01 ví da cũ đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 2.580.000 đồng. C khai nhận khi đi đánh bạc mang theo số tiền 2.680.000 đồng, chỉ sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, số tiền này đã bị thu hết dưới chiếu, khi bị bắt đang bị thua; còn số tiền 2.580.000 đồng thu trên người không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- + Thu của Trần Văn T: 01 ví da màu đen cũ đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 4.550.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME đã qua sử dụng. T khai nhận khi đi đánh bạc mang theo số tiền 5.050.000 đồng, chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, số tiền này đã bị thu hết dưới chiếu, khi bị bắt đang T được 800.000 đồng; còn số tiền 4.550.000 đồng và 01 điện thoại di động thu trên người không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- + Thu của Phạm Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã qua sử dụng, trong có gắn sim số 0978153318. T khai nhận khi đi đánh bạc mang theo số tiền 1.100.000 đồng sử dụng để đánh bạc, số tiền này đã bị thu hết dưới chiếu, khi bị bắt đang bị thua. Còn 01 điện thoại di động thu trên người không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- + Thu của Trần Mạnh T: số tiền 5.650.000đ (năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), 01 xe mô tô BKS: 18 C1 - 13667 cùng với giấy tờ xe và chìa khóa xe

mô tô BKS: 18 C1 - 13667. T khai nhận quá trình đánh bạc các đối tượng đã đưa cho T số tiền 200.000 đồng để trả công pha nước; số tiền này đã bị thu dưới chiếu.

+ Nguyễn Như T khai nhận khi đi đánh bạc mang theo số tiền 250.000 đồng sử dụng để đánh bạc hết, sau đó vay của Đỗ Duy T số tiền 50.000 đồng và vay của Trần Mạnh T số tiền 2.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, khi vay tiền thì T có đưa cho T chiếc xe mô tô BKS: 18 C1 - 13667 cùng với giấy tờ xe và chìa khóa xe để làm tin; toàn bộ số tiền này đã bị thu hết dưới chiếu, khi bị bắt đang bị thua.

+ Lê Anh T khai nhận khi đi đánh bạc mang theo số tiền 1.100.000 đồng sử dụng để đánh bạc, số tiền này đã bị thu hết dưới chiếu, khi bị bắt đang bị thua.

Quá trình điều tra xác định một số đồ vật đã thu giữ không có liên quan đến việc đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu những đồ vật: Đỗ Duy T: 01 ví da màu nâu cũ đã qua sử dụng; Trần Văn C: 01 ví da cũ đã qua sử dụng; Trần Văn T: 01 ví da màu đen cũ đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME đã qua sử dụng, Phạm Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã qua sử dụng, trong có gắn sim số 0978153318; Trần Mạnh T và vợ là Trần Thị P: số tiền 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Trần Mạnh T, Trần Văn T, Phạm Văn T, Đỗ Duy T, Lê Anh T, Nguyễn Như T và Trần Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSVB ngày 08-5- 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T, Trần Văn C về tội “Đánh Bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T, Trần Văn C đã T khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi đánh bạc được thua bằng tiền của mình dưới hình thức đánh liêng như nội dung nêu trên và xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn hình phạt bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T, Trần Văn C về hành vi “Đánh bạc” như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Mạnh T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt:

Bị cáo Trần Văn T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Lê Anh T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Như T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

Phạt tiền bị cáo Đỗ Duy T từ 20 đến 25 triệu đồng.

Phạt tiền bị cáo Trần Văn C 20 đến 25 triệu đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo do các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Về việc khấu trừ thu nhập: Do các bị cáo T, T, T, T, T là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 11.550.000 đồng thu giữ trên chiếu vì đây là số tiền các bị cáo đã và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc.

- Số tiền thu giữ của các bị cáo gồm: Bị cáo T 4.040.000 đồng, bị cáo C 2.580.000 đồng, bị cáo T 4.550.000 đồng, bị T 5.650.000 đồng, xác định số tiền này là tài sản riêng của các bị cáo, các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc do đó áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Như T 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon Da Wave BKS 18C1-136.67 sơn màu xanh, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 chìa khóa xe mô tô.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu gỗ kích thước (1,6 x 2)mét

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ trong vụ án; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ 45 phút, ngày 13-02-2020 tại nhà của Trần Mạnh T, ở thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định, Công an huyện V bắt quả tang các đối tượng: Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Đỗ Duy T, Nguyễn Như T và Trần Văn C đang đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh liêng, thu giữ trên chiếu bạc số tiền sử dụng để đánh bạc là 11.550.000 đồng, 01 bộ tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu gỗ kích thước (1,6 x 2)mét và một số đồ vật tài liệu khác.

Đối với Trần Mạnh T không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng cho các đối tượng sử dụng nhà mình làm nơi đánh bạc, chuẩn bị bộ tú lơ khơ 52 cây, pha nước cho các đối tượng đánh bạc, nhận số tiền 200.000 đồng do đó căn cứ Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì hành vi của Trần Mạnh T không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nhưng Trần Mạnh T phải chịu trách nhiệm đồng phạm về hành vi “Đánh bạc”.

Như vậy với hành vi và vật chứng đã thu giữ và luận cứ như đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T, Trần Văn C đó phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Phạm Văn T, Lê Anh T, Đỗ Duy T, Nguyễn Như T, Trần Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong đồng phạm: Trong vụ án này tất cả các bị cáo đều phạm tội với lỗi cố ý, cùng rủ nhau đánh bạc, không có sự phân công vị trí, vai trò do đó đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Đỗ Duy T, Nguyễn Như T và Trần Văn C tiếp thu ý chí của nhau, cùng đánh bạc; bị cáo Trần Mạnh T là chủ nhà, không tham gia đánh bạc

nhưng T chuẩn bị tú lơ khơ 52 cây, pha nước, nhận số tiền 200.000 đồng và cho Nguyễn Như T vay số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc. Các bị cáo khác cùng trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng thời gian tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc là khác nhau, do đó vai trò của các bị cáo trong vụ án cụ thể là: Chủ nhà Trần Mạnh T và các bị cáo có nhân thân xấu là Trần Văn T, Lê Anh T sẽ ở vai trò số 1, bị cáo T tuy thời gian tham gia đánh bạc ít hơn nhưng sử dụng số tiền đánh bạc 2.300.000 đồng, tiếp theo đến các bị cáo T, T; bị cáo C thời gian đánh bạc ít, sử dụng số tiền đánh bạc là 100.000 đồng do đó C giữ vai trò sau cùng của vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong vụ án đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều T khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải do đó tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Mạnh T, Phạm Văn T, Đỗ Duy T, Nguyễn Như T, Trần Văn C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T, Trần Văn C đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; Hội đồng xét thấy: Đối với các bị cáo Trần Văn T, Lê Anh T căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự, phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở T công dân có ích cho gia đình và xã hội; Các bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn T, Lê Anh T, Nguyễn Như T cũng áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự, phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở T công dân có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo Đỗ Duy T, Trần Văn C sẽ áp dụng hình phạt phạt tiền là hình phạt chính là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T, Trần Văn C đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương do đó miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập: Các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Phạm Văn T, Lê Anh T đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định do đó Hội đồng xét xử

miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 11.550.000 đồng thu giữ trên chiếu là số tiền các bị cáo đã và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Các vật chứng khác: 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon Da Wave BKS 18C1-136.67 sơn màu xanh, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 chìa khóa xe mô tô của Nguyễn Như T; Số tiền thu giữ của các bị cáo gồm: Bị cáo T 4.040.000 đồng, bị cáo C 2.580.000 đồng, bị cáo T 4.550.000 đồng, bị cáo T 5.650.000 đồng; xác định xe và tiền là tài sản riêng của các bị cáo, các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc do đó áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- 01 bộ tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu gỗ kích thước (1,6 x 2)mét các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là tài sản không có giá trị, chị P không có nguyện vọng lấy lại chiếc chiếu do đó cần tịch thu cho tiêu hủy.

[10] Trong vụ án này Trần Mạnh T có hành vi cho Nguyễn Như T vay số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc và T có giao xe mô tô BKS: 18C1-13667 cùng với giấy tờ xe và chìa khóa xe cho T để làm tin, tuy nhiên qua điều tra xác định T không tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc, do đó hành vi trên của T không cấu T tội “Gá bạc” theo quy định tại Điều 322 BLHS. Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xử lý Trần Mạnh T về tội “Gá bạc” là phù hợp

- Đối với chị Trần Thị P là vợ của Trần Mạnh T, trưa ngày 13-02-2020 chị P không có ở nhà nên không biết việc các đối tượng đánh bạc tại nhà mình. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý đối với chị Trần Thị P là có căn cứ.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Mạnh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị Trần Văn T, Lê Anh T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Duy T và Trần Văn C.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T và Trần Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 là 09 ngày, được quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020 đến ngày 27-3-2020 là 45 ngày (1 tháng 15 ngày), được quy đổi thành 4 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 13 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án

+ Xử phạt bị cáo Lê Anh T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 là 09 ngày, được quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Như T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 là 09 ngày, được quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 13-02-2020 đến ngày 22-02-2020 là 09 ngày, được quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát và giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T.

+ Phạt tiền bị cáo Đỗ Duy T 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước;

+ Phạt tiền bị cáo Trần Văn C 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước;

3. Các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

4. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T.

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.550.000 đồng thu giữ trên.

- Trả lại cho các bị cáo: Đỗ Duy T 4.040.000 đồng, Trần Văn C 2.580.000 đồng, Trần Mạnh T 4.550.000 đồng, Trần Văn T 5.650.000 đồng; Nguyễn Như T 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon Da Wave BKS 18C1-136.67 sơn màu xanh, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 chìa khóa xe mô tô nhưng tiếp tục quản lý các tài sản để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu gỗ kích thước (1,6 x 2)mét

(N như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15-02-2020 giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Mạnh T, Trần Văn T, Lê Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Như T, Đỗ Duy T và Trần Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV 27, PC 81 CA tỉnh NĐ;
- UBND xã M, V;
- UBND xã T, B, HN
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm